

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2024/DS-PT
Ngày: 16/4/2024
V/v Tranh chấp liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa:

Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 632/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1145/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3705/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1955; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1980 (có mặt); địa chỉ: Số F- đường số G, khu phố A, phường P, thành phố

T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10 tháng 9 năm 2018).

2. Bị đơn:

2.1. Văn phòng C1 (Tên cũ là Văn phòng C2); (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc P;

Chức vụ: Trưởng văn phòng C1;

2.2. Bà Võ Thị B, sinh năm 1966; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường Ô, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh T, sinh năm: 1997 (có mặt); văn bản ủy quyền ngày 21/3/2024 do Văn phòng C3 lập ngày 21/3/2024;

Địa chỉ: A Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1964; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2. Bà Võ Thị N, sinh năm 1965; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.3. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1968; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1969; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.5. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1971; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường B, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

3.6. Bà Võ Thị C, sinh năm 1972; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Phụng Hoàng T2, sinh năm: 1998 (có mặt); địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3.7. Bà Võ Thị P1, sinh năm 1973; (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn T1, bà Võ Thị N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P1: Bà Võ Thị C, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số B đường Đ, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10 tháng 8 năm 2018, ngày 08 và ngày 09 tháng 10 năm 2018).

Người kháng cáo: Bà Võ Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Y đều trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 316/2016/DS-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6 thì bà Võ Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Á số tiền 675.900.000 đồng, sau đó bà B kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 179/2017/DS-PT ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Á đã làm đơn yêu cầu thi hành nhưng bà B không còn tài sản để thi hành án nên cho rằng bà B đã có hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vì trong thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm, bà B đã lập văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/02/2017 là trái với khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số: 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Nay bà Ánh khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu một phần nội dung văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 001511, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/02/2017 của Văn phòng C1 đối với phần “Bà Võ Thị B tự nguyện tặng cho toàn bộ và không điều kiện phần tài sản của mình được thừa kế từ khối di sản mà ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định cho bà Võ Thị C và bà Võ Thị C ngoài việc nhận phần tài sản thừa kế mình được hưởng còn đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế tặng cho như đã nêu trên” vì mục đích tẩu tán tài sản.

Văn phòng Công chứng Trần Quốc P là bị đơn trình bày tại bản khai ngày 10 tháng 5 năm 2018:

Cuối tháng 12/2016, Văn phòng C1 tiếp nhận hồ sơ yêu cầu khai nhận di sản đối với quyền sở hữu của bà Cao Thị N1 (chết ngày 05/02/2004) và ông Võ Văn Đ1 (chết ngày 24/9/2013) để lại đối với nhà, đất tại số B đường Đ, Phường A, Quận F. Theo tường trình của bà H thì bà N1 và ông Đ1 có 08 người con gồm các ông, bà: Võ Văn T1, Võ Thị N, Võ Thị B, Võ Văn Đ, Võ Thị H, Võ Thị H1, Võ Thị C, Võ Thị P1, cha mẹ của bà Cao Thị N1 và ông Võ Văn Đ1 đều chết trước và không có giấy chứng tử.

Ngày 29/12/2016, văn phòng C1 có thông báo khai nhận di sản số 532/TB-CCGD gửi Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F thực hiện niêm yết theo quy định pháp luật để các cá nhân, tổ chức có quyền và lợi ích liên quan nếu có phát hiện về việc bỏ sót người được thừa kế, bỏ sót di sản hoặc di sản thừa kế

không thuộc quyền sở hữu của bà Cao Thị N1 và ông Võ Văn Đ1 hoặc có những vấn đề khác liên quan đến việc khai nhận di sản trên thông báo cho văn phòng C1. Trong thời hạn 15 ngày niêm yết, văn phòng C1 không nhận được bất cứ khiếu nại hay phản hồi nào về việc khai nhận di sản nêu trên cũng như không nhận được phản ánh từ nguyên đơn về việc bà Võ Thị B phải trả tiền cho nguyên đơn nên ngày 08/02/2017, 08 ông, bà nêu trên đã tiến hành đã lập văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản là nhà, đất Số B đường Đ.

Văn phòng công chứng Trần Quốc P khẳng định đã tuân thủ các quy định của Luật Công chứng và pháp luật có liên quan. Việc công chứng giao dịch nói trên là hoàn toàn khách quan, đúng pháp luật, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc và có cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung yêu cầu khai nhận di sản.

Bà Võ Thị B là bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày:

Nhà đất Số B đường Đ do cha mẹ là bà Cao Thị N1 và ông Võ Văn Đ1 để lại cho 08 người con. Năm 2008, chồng bà là ông Hạp Tiến T3 bị tai biến, bản thân bà là nội trợ phải lo cho chồng con nên bà phải vay tiền của bà Võ Thị C để giải quyết việc gia đình. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên phần tài sản thừa kế của bà đối với nhà đất Số B đường Đ. Do đó, gia đình bà đã lập văn bản khai nhận thừa kế, thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và bà đã giao phần của bà được hưởng cho bà Võ Thị C để khấu trừ khoản nợ đã vay năm 2009. Việc thực hiện thủ tục này trước khi Bản án dân sự phúc thẩm số: 179/2017/DS-PT ngày 23/02/2017 có hiệu lực thi hành nên việc nguyên đơn khởi kiện không đúng quy định pháp luật.

Bà Võ Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn T1, bà Võ Thị N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P1 trình bày:

Các ông, bà không đồng ý yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của bà Nguyễn Thị Á vì điều khoản công chứng có ghi rõ các ông, bà có tên nêu trên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật. Sau niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường C1 không nhận được khiếu nại, tố cáo nào; văn bản thỏa thuận phân chia di sản không có vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Bà Võ Thị H1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 632/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh .

Tuyên bố văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản do văn phòng công chứng Trần Quốc P chứng nhận số công chứng 001511, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 02 năm 2017 vô hiệu một phần đối với thỏa thuận của các bên về việc “Bà Võ Thị B tự nguyện tặng cho toàn bộ và không điều kiện phần tài sản của mình được thừa kế từ khối di sản mà ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định cho bà Võ Thị C và bà Võ Thị C ngoài việc nhận phần tài sản thừa kế mình được hưởng còn đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế tặng cho như đã nêu trên”. Các bên được chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/10/2023, bà Võ Thị B kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của bà B thay đổi yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bà B và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Phạm Phụng H2 Tiên đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà B.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị B; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị B là hợp lệ và trong hạn luật định nên có căn cứ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà B thì: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 316/2016/DS-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận 6 buộc bà B trả cho bà Á số tiền 675.900.000 đồng, bà B kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 23/02/2017, Tòa án cấp phúc thẩm tuyên Bản án số: 179/2017/DS-PT giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Ngày 20/9/2017, Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 ra Quyết định số 604/QĐ-CCTHADS tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của bà Võ Thị B đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại số B đường Đ, Phường A, Quận F với căn cứ để ngăn chặn hành vi chuyển quyền sở hữu, sử dụng, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản. Theo văn bản số: 311/CCTHADS ngày 07/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 và văn bản số: 492/CCTHADS ngày 02/12/ 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân. Quá trình thi hành án, bà Ba không tự nguyện thi hành án và không có tài sản để thi hành án.

[2.3] Văn phòng Công chứng Trần Quốc P và bà B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bà B đều khai nhận: Ngày 09/12/2016, văn phòng C1 thực hiện thủ tục thông báo khai nhận di sản thừa kế số 532/TB-CCGD được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F xác nhận đã tiếp nhận việc niêm yết ngày 30/12/2016.

Ngày 08/02/2017, Văn phòng C1 chứng nhận văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản nội dung: Ông Võ Văn T1, bà Võ Thị N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị H, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị P1 đồng ý nhận di sản thừa kế do ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định; bà Võ Thị B tự nguyện tặng cho toàn bộ và không điều kiện phần tài sản của mình được thừa kế từ khối di sản mà ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định cho bà Võ Thị C; bà Võ Thị C ngoài việc nhận phần tài sản thừa kế mình được hưởng còn đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế tặng cho như đã nêu trên.

[2.4] Theo văn bản số: 638/VPĐK-CNQ6 ngày 20/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng Đ2 thì ngày 22/3/2017, đã cập nhật thay đổi chủ sở hữu do nhận thừa kế và tặng cho cho ông Võ Văn T1, bà Võ Thị N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị H, bà Võ Thị C, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị P1; Ngày 04/ 10/2017, Chi nhánh Văn phòng Đ2 có nhận được Quyết định thi hành án số: 604/QĐ-CCTHADS đối với tài sản trên.

[3] Ngày 08/02/2017, bà B được chia thừa kế của ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 di sản thừa kế là nhà, đất Số B đường Đ; cùng ngày bà B đã tặng cho toàn bộ phần tài sản của mình được thừa kế cho bà Võ Thị C. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 316/2016/DS-ST ngày 30/9/2016, Tòa án nhân dân Quận 6 đã buộc bà B trả cho bà Á số tiền 675.900.000 đồng. Bà B kháng cáo bản án sơ thẩm, trong khi chờ kết quả xử phúc thẩm thì ngày 08/02/2017 bà B đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ phần tài sản của mình được thừa kế cho bà Võ Thị C là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, nhưng bản án sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số: 14/2010/TTLT- BTP - TANDTC - VKSNDTC ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để giải quyết là không chính xác vì Thông tư nêu trên đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/9/2016 và được thay thế bằng Thông tư liên tịch số: 11/2016/TTLT – BTP- TANDTC - VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/9/2016.

Việc bà B và bà C thống nhất khai bà B đã giao phần di sản thừa kế của bà được hưởng cho bà C để khấu trừ khoản nợ đã vay năm 2009. Do bà B và bà C là hai chị em ruột; việc hai bà khai nhận bà B có vay tiền bà C từ năm 2009, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên lời khai này của bà B và bà C không được xác định là chứng cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ngày 23/02/2017, Tòa án cấp phúc thẩm tuyên buộc bà Võ Thị Ba p trả cho bà Á 675.000.000 đồng thì bà Ba không còn tài sản để thi hành án; ngày 22/3/2017, Chi nhánh Văn phòng Đ2 đã cập nhật thay đổi chủ sở hữu do nhận thừa kế và tặng cho cho ông Võ Văn T1, bà Võ Thị N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị H, bà Võ Thị C, bà Võ Thị H1, bà Võ Thị P1 đối với nhà, đất Số 275 đường Đ, Phường A, Quận F. Như vậy, thời điểm đăng ký chuyển quyền thừa kế di sản mà bà B được nhận là sau thời điểm bản án phúc thẩm số: 179/2017/DS-PT ngày 23/02/ 2017 có hiệu lực pháp luật.

[5] Tại khoản 1 Điều 74 - Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 quy định về: Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án:

“ Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự ”;

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 75 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014 quy định về giải quyết tranh chấp, yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án:

“1. Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó”.

[6] Việc bà Ba t cho toàn bộ phần tài sản của mình được thừa kế cho bà C là nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm thi hành án cho nguyên đơn nên có căn cứ xác định văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số 001511 ngày 08/02/2017 của văn phòng công chứng Trần Quốc P vô hiệu một phần do giả tạo nhằm mục đích trốn tránh thi hành án đối với thỏa thuận: *“Bà Võ Thị B tự nguyện tặng cho toàn bộ và không điều kiện phần tài sản của mình được thừa kế từ khối di sản mà ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định cho bà Võ Thị C và bà Võ Thị C ngoài việc nhận phần tài sản thừa kế mình được hưởng còn đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế tặng cho như đã nêu trên”*. Vì vậy, theo quy định tại Điều 124, Điều 130 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Á có quyền khởi kiện để yêu cầu tuyên bố văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số 00151 ngày 08/02/2017 của văn phòng công chứng Trần Quốc P

vô hiệu một phần do giả tạo nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án; đồng thời, hủy bỏ đối với thỏa thuận bị tuyên bố vô hiệu tại văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số 00151 ngày 08/02/2017 của văn phòng C1 là có căn cứ.

[7] Do các bên không có yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu và không yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến giao dịch dân sự vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị B và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm:* Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Võ Thị Ba p chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; văn phòng công chứng Trần Quốc P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Ba p chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0044634 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 74 và 75 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy;
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị B. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á về việc kiện: “ *Tranh chấp yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” đối với bị đơn Văn phòng Công chứng Trần Quốc P và bà Võ Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuyên bố Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản do Văn phòng Công chứng Trần Quốc P chứng thực số công chứng 001511, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 02 năm 2017 vô hiệu một phần đối với thỏa thuận của các bên về việc: “Bà Võ Thị B tự nguyện tặng cho toàn bộ và

không điều kiện phần tài sản của mình được thừa kế từ khối di sản mà ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định cho bà Võ Thị C và bà Võ Thị C ngoài việc nhận phần tài sản thừa kế mình được hưởng còn đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế tặng cho như đã nêu trên”.

Hủy bỏ đối với phần thỏa thuận bị tuyên bố vô hiệu tại văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản số 00151 ngày 08/02/2017 của văn phòng C1 với nội dung: “Bà Võ Thị B tự nguyện tặng cho toàn bộ và không điều kiện phần tài sản của mình được thừa kế từ khối di sản mà ông Võ Văn Đ1 và bà Cao Thị N1 để lại theo luật định cho bà Võ Thị C và bà Võ Thị C ngoài việc nhận phần tài sản thừa kế mình được hưởng còn đồng ý nhận phần tài sản do đồng thừa kế tặng cho như đã nêu trên”.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Võ Thị Ba p chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Văn phòng Công chứng Trần Quốc P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0022840 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Võ Thị Ba p chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0044634 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Võ Thị B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- CCTHADS Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

